

Bản án số: 91/2024/HNGĐ-ST

Ngày 20 tháng 9 năm 2024

“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia
đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Tiến Dũng;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;

Bà Nguyễn Thị Phẩm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Hoàng Y, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Khu X, xã T H, huyện H H, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: Anh Bùi Đức T, sinh năm 1986.

HKTT: Khu X, xã T H, huyện H H, tỉnh Phú Thọ.

Hiện đang ở Đài Loan.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Khu X, xã T H, huyện H H, tỉnh Phú Thọ.

(Chị Đỗ Thị Hoàng Y, Bà Nguyễn Thị H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Bùi Đức T vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/5/2024 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Đỗ Thị Hoàng Y trình bày: Chị và anh Bùi Đức T kết hôn tự nguyện, có

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L K (Nay là xã T H), huyện H H, tỉnh Phú Thọ ngày 13/9/2017. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau cuộc sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và cách xây dựng làm ăn kinh tế. Chị đã cố gắng khắc phục nhưng không thể hàn gắn được. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị cho chị được ly hôn với Anh T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng chị không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị Y xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Y tự nguyện chịu toàn bộ.

Phía bị đơn: Anh Bùi Đức T hiện đang ở nước ngoài thể hiện tại công văn số: 10048/QLXNC-P3 ngày 16/5/2024 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an xác định Anh T, đã xuất nhập cảnh 03 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 22/7/2022, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do chị Y không biết địa chỉ của Anh T ở đâu tại nước ngoài nên Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của Bà Nguyễn Thị H mẹ của Anh T và được Bà H cung cấp như sau: Hiện tại Anh T đang ở Đài Loan địa chỉ cụ thể bà không biết. Nhưng bà và Anh T vẫn thường xuyên liên lạc qua Zalo, Facebook, Bà H đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho Anh T và yêu cầu bà cung cấp địa chỉ của Anh T ở nước ngoài, bà đã thông báo cho Anh T biết xong Anh T không cung cấp địa chỉ cho bà để cung cấp cho Tòa án. Thông qua điện thoại bà đã trao đổi nội dung chị Y xin ly hôn Anh T và Anh T nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị Y.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến về những nội dung sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề nghị hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 51, 56, 123 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án:

Xử: Cho chị Đỗ Thị Hoàng Y được ly hôn anh Bùi Đức T.

Về tài sản chung, công nợ, công sức không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Chị Y phải chịu toàn bộ án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn anh Bùi Đức T đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã T H, huyện H H, tỉnh Phú Thọ. Theo Công văn số: 10048/QLXNC-P3 ngày 16/5/2024 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an xác định Anh T đã xuất cảnh gần nhất ngày 22/7/2022, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Căn cứ khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Trong vụ án này Anh T không có mặt ở Việt Nam nên Tòa án không tiến hành hòa giải được quy định tại khoản 2 điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

Chị Y đề nghị xin ly hôn với Anh T và chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của Anh T mà không cung cấp được địa chỉ Anh T ở chỗ nào tại nước ngoài, Tòa án đã thông qua thân nhân của Anh T là Bà Nguyễn Thị H là mẹ của Anh T thì thấy gia đình đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không biết địa chỉ cụ thể của Anh T ở đâu tại nước ngoài, bản thân Anh T không cung cấp địa chỉ mặc dù đã được Bà H thông báo. Căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn nên cần xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tại phiên tòa chị Đỗ Thị Hoàng Y và Bà Nguyễn Thị H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Hoàng Y và anh Bùi Đức T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 13/9/2017 tại UBND xã L K (Nay là xã T H), huyện H H, tỉnh Phú Thọ, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị Y và Anh T có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là quan điểm sống không hợp nhau, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị Y xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với Anh T. Mặc dù Anh T không có lời khai xong thông qua Bà H là mẹ của Anh T cung cấp quan điểm của Anh T cũng nhất trí ly hôn với chị Y. Do vậy, có căn cứ để xác định tình cảm vợ chồng giữa chị Y và Anh T đã thực sự mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xử cho chị Y được ly hôn Anh T là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị Y và Anh T không có con chung nên Tòa án không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị Y không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị Y phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[3]. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 điều 56 và điều 123 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 2 điều 207; điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228; khoản 1, 2 điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Hoàng Y được ly hôn anh Bùi Đức T.

[2]. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Không đặt ra xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Đỗ Thị Hoàng Y phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Y đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa số: 00000170 ngày 28/5/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

[4]. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Đương sự có mặt tại Việt Nam có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Đương sự cư trú ở nước ngoài có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (Một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- UBND xã T H, huyện H H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Tiến Dũng